

Bản án số:18/2022/HSST
Ngày 29/12/2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Thông

Các Hội thẩm nhân: Bà Lê Thị Bồng và ông Đinh Công Ó

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Ngọc, Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Phù Yên tham gia phiên tòa: Ông Lương Thành Long, Kiểm sát viên.

Ngày 29/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 11/2022/HSST ngày 08/11/2022 đối với bị cáo **Đinh Văn B**, tên gọi khác: Không, sinh ngày 03/5/1970 tại xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, cư trú tại bản N, xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, nghề nghiệp: Trồng trọt, trình độ học vấn: 5/12, dân tộc: Mường, giới tính: Nam, tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam, Đảng, đoàn thể: Không; con ông Đinh Văn L và bà Lò Thị Ở (đều đã chết), vợ là Bạc Thị K, sinh năm 1970, có 02 con đều đã trưởng thành, tiền án, tiền sự: Không, bị bắt tạm giữ, giam từ ngày 28/8/2022 đến ngày xét xử, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Văn N, Chủ tịch UBND xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, vắng mặt có lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Lò Thị A (AD), sinh 17/9/1970, cư trú tại bản N, xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, vắng mặt có lý do;

2. Đinh Văn C, sinh ngày 25/5/1960, cư trú tại bản N, xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, vắng mặt có lý do;

3. Ông Đinh Văn D, sinh ngày 11/10/1976, cư trú tại bản N, xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, vắng mặt có lý do;

4. Anh Giàng A E, sinh năm 1984, cư trú tại bản SG, xã QH, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, vắng mặt có lý do;

5. Anh Giàng A F, sinh ngày 10/5/2006, cư trú tại bản SG, xã QH, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, vắng mặt có lý do;

6. Ông Giàng A G, sinh năm 1977, cư trú tại bản SG, xã QH, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, vắng mặt có lý do;

7. Anh Giàng A H, sinh ngày 15/9/2001, cư trú tại bản SG, xã QH, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, vắng mặt có lý do;

8. Ông Giàng A I, sinh năm 1975, cư trú tại bản SG, xã QH, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, vắng mặt có lý do;

9. Ông Giàng A J, sinh năm 1980, cư trú tại bản SG, xã QH, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, vắng mặt có lý do;

10. Ông Giàng A K, sinh năm 1972, cư trú tại bản SG, xã QH, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, vắng mặt có lý do;

11. Anh Giàng A L, sinh năm 1996, cư trú tại bản SG, xã QH, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, vắng mặt có lý do;

12. Chị Vàng Thị M, sinh năm 1995, cư trú tại bản SG, xã QH, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, vắng mặt có lý do;

13. Chị Vàng Thị N, sinh năm 1995, cư trú tại bản SG, xã QH, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, vắng mặt có lý do;

- **Người đại diện hợp pháp của anh Giàng A F:** Ông Giàng A O, sinh năm 1968, cư trú tại bản SG, xã QH, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, là bố đẻ của anh Giàng A F, vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2002 Đinh Văn B được UBND huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La cấp quyền sử dụng đất lâm nghiệp tại khu vực núi CC bản N, xã H, huyện Phù Yên diện tích là 12,803 ha với mục đích là quản lý, bảo vệ phòng hộ. Theo Quyết định số 1529/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt kết quả kiểm kê rừng trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2013 - 2016 thì khu rừng của B được giao quản lý, bảo vệ là 14,32 ha thuộc tiểu khu 471 B, khoảnh 4, gồm các lô 20, 27, 31, 35, hiện trạng là rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh phục hồi (TXP) và rừng hỗn hợp giao (HG1), mục đích sử dụng là rừng sản xuất. Quá trình trồng rừng năm 2002 Đinh Văn B đã trồng 03 ha cây Thông và cây Bạch đàn theo chương trình dự án 661 của Lâm trường Phù Yên. Năm 2015 được sự nhất trí của cơ quan có thẩm quyền B đã khai thác gỗ toàn bộ diện tích rừng trồng, sau đó tiếp tục trồng cây Thông trên diện tích đất đã khai thác, do tỷ lệ cây trồng sống thấp bị cây tự nhiên phát triển che phủ nên B nghĩ chặt phát rừng để trồng mới cây Keo lai. Ngày 18/3/2022 B đến nhà

anh Nguyễn Văn Q, bản N, xã H, huyện Phù Yên để nhờ tìm người phát rừng, anh Q có giới thiệu có anh Giàng A P, cư trú bản SG, xã QH, huyện Phù Yên và cho B số điện thoại của P để liên lạc. Ngày 19/3/2022 P cùng B lên khu rừng của B xem diện tích rừng cần phát, sau đó B và P thống nhất phát hết diện tích rừng đó thì B trả công 25.000.000^d (Hai mươi lăm triệu đồng). Ngày 20/3/2022 P cùng với chị Sòng Thị R, anh Giàng A E, anh Giàng A H, anh Giàng A F, anh Giàng A G, chị Vàng Thị M, anh Giàng A I, Giàng A J, Giàng Thị N, Giàng A K, Giàng A L và Giàng A Páo đem theo dụng cụ đến nhà B, anh Giàng A E tạm ứng tiền công cho cả nhóm 1.000.000^d (Một triệu đồng), do diện tích rừng rộng nên B nói sẽ trả thêm tiền công cho cả nhóm 5.000.000^d (Năm triệu đồng). Ngày 21/3/2022 anh Giàng A E đem theo 01 chiếc cưa máy đến và tạm ứng thêm bớt B số tiền 1.000.000^d (Một triệu đồng) để mua xăng cho vào máy cưa, sau thời gian 4,5 ngày thì phát xong toàn bộ diện tích 73.900 m² (7,39ha) rừng sản xuất. Trong đó, rừng của B quản lý, bảo vệ là 5,13ha, tại tiểu Khu 471B, khoảnh 4, gồm các lô 20, 27, 31, 35; rừng của ông Đinh Văn D là 1,08 ha, tại tiểu khu 471B, khoảnh 4, lô 22; rừng ông Đinh Văn C là 0,73 ha; rừng bà Lò Thị AD là 0,45 ha. Sau khi phát xong B và nhóm người của Giàng A E thống nhất với nhau B thanh toán 3.000.000^d (Ba triệu đồng) trước, còn lại sau 03 ngày thanh toán nốt. Sau khi phát xong khoảng 01 tháng B đi dọn và đốt khu rừng đã phát để trồng 1,3 ha cây Keo lai, trong thời gian đang trồng cây thì ngày 26/6/2022 UBND xã H, huyện Phù Yên kiểm tra phát hiện và có văn bản gửi Công an huyện Phù Yên xem xét giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 07/7/2022 cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường tại tiểu Khu 471B, khoảnh 4, lô 20, 22, 25, 27, 29 31, 32, 35; khoảnh 2 lô 18, 22 của bản đồ rà soát điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng khu vực núi CC, thuộc bản N, xã H, huyện Phù Yên là rừng sản xuất, trạng thái rừng Thường xanh phục hồi và rừng Hỗn giao. Xác định diện tích rừng bị chặt phá là 73.900m² (7,39 ha). Trong đó rừng của B là 5,13 ha; rừng của ông Đinh Văn D là 1,08 ha; rừng của ông Đinh Văn C là 0,73 ha; rừng của bà Lò Thị A (AD) là 0,45 ha và giao toàn bộ 10.124 cây gỗ bị chặt phá tại rừng cho UBND xã H, huyện Phù Yên quản lý, bảo vệ theo quy định.

Vật chứng: Thu giữ 01 chiếc máy cưa của Giàng A E; 10 con dao quắm của Giàng A E, Giàng A F, Giàng A G, Giàng A H, Giàng A I, Giàng A J, Giàng A K, Giàng A L, Giàng Thị M, Vàng Thị N và 01 chiếc bật lửa ga của Đinh Văn B.

Tại kết luận giám định không số, ngày 02/8/2022 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Sơn La, kết luận lâm sản bị thiệt hại là 56,545m³.

Tại kết luận định giá tài sản số 20b/KLĐGTS ngày 09/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng của huyện Phù Yên, kết luận: 10.124 cây gỗ, gồm: Cây Côm tầng, Ba soi, Thổ lộ, Khẩu táo, Kháo, Thành gạch, Thừng mực, Màng

tang có tổng khối lượng là 56,545m³ với trị giá là 69.616.383^d (Sáu mươi chín triệu sáu trăm mười sáu nghìn ba trăm tám mươi ba đồng).

Cáo trạng số 60/CT-VKS ngày 07/11/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La đã truy tố bị can Đinh Văn B về tội Huy hoại rừng, theo điểm b khoản 3 Điều 243 của Bộ luật hình sự.

Đơn xin vắng mặt tại phiên tòa ngày 22/12/2022 của bà Lò Thị A, ông Đinh Văn C và ông Đinh Văn D đều trình bày: Đã nhận được giấy triệu tập của Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đối với bị cáo Đinh Văn B. Do điều kiện sức khỏe và công việc xin vắng mặt tại phiên tòa, nội dung sự việc Đinh Văn B phát vào diện tích rừng của gia đình đã trình bày cụ thể tại cơ quan điều tra Công an huyện Phù Yên, không có ý kiến thay đổi và bổ sung gì thêm. Đề nghị xét xử bị cáo theo pháp luật và bồi thường thiệt hại rừng cho Nhà nước theo quy định.

Đơn xin vắng mặt tại phiên tòa ngày 23/12/2022 của các ông Giàng A E, Giàng A F, Giàng A G, Giàng A H, Giàng A I, Giàng A J, Giàng A K, Giàng A L, bà Vàng Thị M và bà Vàng Thị N đều trình bày: Đã nhận được giấy triệu tập tham gia phiên của Tòa án nhân dân huyện Phù Yên xét xử đối với bị cáo Đinh Văn B về tội Huy hoại rừng, do điều kiện sức khỏe và công việc không tham gia phiên tòa được, xin vắng mặt tại phiên tòa, về nội dung sự việc đã trình bày tại cơ quan điều tra Công an huyện Phù Yên, trước khi phát rừng hoàn toàn không biết B thuê phát rừng trái phép. Sau khi phát hiện cơ quan điều tra Công an huyện Phù Yên đã tạm giữ mỗi người 01 con dao quắm, đề nghị được trả lại và xét xử bị cáo theo pháp luật.

Đơn xin vắng mặt của Ủy ban nhân dân xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La đề nghị buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường 7,39 ha rừng bị thiệt hại với tổng số tiền là 69.616.383^d (Sáu mươi chín triệu sáu trăm mười sáu nghìn ba trăm tám mươi ba đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày luận tội về hành vi phạm tội của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 3 Điều 243; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn B từ 06 đến 07 năm tù, tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 28/8/2022.

Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): Đề nghị không áp dụng đối với bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc bật lửa ga của bị cáo.

Trả lại cho anh Giàng A E 01 chiếc cưa máy.

Trả lại cho các ông Giàng A E, Giàng A F, Giàng A G, Giàng A H, Giàng A I, Giàng A J, Giàng A K, Giàng A L, bà Vàng Thị M và bà Vàng Thị N mỗi người 01 con dao quắm có đặc điểm và kích thước ghi trong Quyết định và Biên bản giao nhận vật chứng.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường thiệt hại rừng nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền là 69.616.383^d (Sáu mươi chín triệu sáu trăm mười sáu nghìn ba trăm tám mươi ba đồng), bị cáo đã bồi thường 10.000.000^d (Mười triệu đồng), còn phải bồi thường tiếp 59.616.383^d (Năm mươi chín triệu sáu trăm mười sáu nghìn ba trăm tám mươi ba đồng).

Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị buộc bị cáo phải chịu theo quy định.

Bị cáo tranh luận tại phiên tòa, nhất trí với Cáo trạng và Luận tội của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Phù Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Đơn xin vắng mặt tại phiên tòa của những người có quyền lợi, nghĩa vụ án liên quan trong vụ án đều có lý do chính đáng. Xét thấy, sự vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử đối với hành vi phạm tội của bị cáo cũng như việc xem xét, quyết định các nội dung khác trong vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3]. Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Năm 2002 bị cáo được UBND huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 12,803 ha đất lâm nghiệp, tại núi CC thuộc bản N, xã H, huyện Phù Yên để quản lý, bảo vệ, bị cáo đã trồng 03 ha cây Thông và cây Bạch đàn theo chương trình dự án 661 của Lâm trường Phù - Bắc Yên. Đến năm 2016 theo Quyết định số 1529/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt kết quả kiểm kê rừng trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2013 - 2016 thì diện tích rừng của bị cáo được giao quản lý, bảo vệ là 14,32 ha thuộc tiểu khu 471 B, khoảnh 4, gồm các lô 20, 27, 31, 35 là rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường

xanh phục hồi (TXP) và rừng hỗn giao (HG1), mục đích sử dụng là rừng sản xuất. Năm 2015 được sự nhất trí của cơ quan có thẩm quyền bị cáo đã khai thác toàn bộ diện tích rừng trồng và tiếp tục trồng 20.000 cây Thông trên diện tích đất đã khai thác, do tỷ lệ cây trồng sống thấp, nên ngày 18/3/2022 bị cáo đến nhà anh Nguyễn Văn Q bản N, xã H, huyện Phù Yên nhờ tìm người phát rừng thuê, anh Q có giới thiệu anh Giàng A P, cư trú tại bản SG, xã QH, huyện Phù Yên và cho số điện thoại của P để liên lạc. Ngày 19/3/2022 anh P đến nhà bị cáo và cùng bị cáo đến xem rừng, sau đó thống nhất tiền công phát hết diện tích rừng đó là 25.000.000^d (Hai mươi lăm triệu đồng). Ngày 20/3/2022 anh Giàng A E cùng với các anh Giàng A H, Giàng A F, Giàng A G, Giàng A I, Giàng A J, Giàng A K, Giàng A L, Giàng A Páo, chị Sòng Thị R, Vàng Thị M và Giàng Thị N đem dao đến phát diện tích rừng bị cáo thuê phát, do diện tích rừng rộng nên bị cáo nói phát xong sẽ trả thêm tiền công 5.000.000^d (Năm triệu đồng). Ngày 21/3/2022 anh Giàng A E đem theo 01 chiếc cưa máy đến nhà bị cáo tạm ứng thêm 1.000.000^d (Một triệu đồng), sau khi phát xong bị cáo đã thanh toán trước tiền công 3.000.000^d (Ba triệu đồng), còn lại sau 03 ngày thanh toán nốt. Khoảng 01 tháng sau bị cáo đốt toàn bộ rừng đã phát và trồng 1,3 ha cây Keo lai thì tổ kiểm tra của UBND xã H, huyện Phù Yên kiểm tra phát hiện.

[4]. Đối với anh Nguyễn Văn Q là người trực tiếp giới thiệu cho bị cáo người phát rừng thuê và cung cấp số điện thoại của người cần thuê cho bị cáo. Tuy nhiên, anh Q hoàn toàn không biết bị cáo thuê người để phát rừng gì, ở đâu, đồng thời cũng không được thỏa thuận và hưởng lợi gì từ việc giới thiệu người làm thuê cho bị cáo, lời khai của anh Q tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa và các tài liệu có trong hồ sơ. Do đó, anh Q không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

[5]. Đối với các ông Giàng A Páo, Giàng A E, Giàng A F, Giàng A G, Giàng A H, Giàng A I, Giàng A J, Giàng A K, Giàng A L, bà Vàng Thị M, Vàng Thị N và Sòng Thị R là những người trực tiếp phát toàn bộ diện tích rừng do bị cáo yêu cầu và đã nhận tiền công với bị cáo theo thỏa thuận, trước và sau khi phát rừng đều không biết diện tích rừng bị cáo thuê phát là rừng cấm khai phá, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người được bị cáo thuê.

[6]. Ông Giàng A O là người đại diện hợp pháp của anh Giàng A F yêu cầu trả lại 01 con dao quắm do F dùng tham gia phát rừng thuê cho bị cáo Đinh Văn B để phục vụ lao động sản xuất của gia đình là thực tế khách quan, phù hợp với quy định của pháp luật, cần được chấp nhận.

[7]. Đối với anh Giàng A P là người được anh Nguyễn Văn Q giới thiệu cho bị cáo thuê phát rừng, anh P có được trao đổi và nhận lời để phát rừng với bị cáo, sau đó anh P nói lại với anh E và anh E nói với mọi người về việc đi phát rừng thuê cho bị cáo, anh P không tham gia phát rừng, không được nhận tiền công và không bị thu giữ tài sản hay đồ vật gì. Do đó, anh P không liên quan đến vụ án.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định rừng, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ cả về thời gian, địa điểm phạm tội và vật chứng của vụ án thu được.

Với những tài liệu, chứng cứ nêu trên, đủ cơ sở khách quan để kết luận: Bị cáo Đinh Văn B phạm tội Hủy hoại rừng theo điểm b khoản 3 Điều 243 của Bộ luật hình sự.

[8]. Tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Bị cáo nhận thức rõ diện tích rừng được giao mục đích là rừng sản xuất, hằng năm bị cáo đã được nghe các cơ quan chức năng của huyện Phù Yên và xã H tuyên truyền, phổ biến về quản lý, bảo vệ rừng, đồng thời ký cam kết thực hiện và nhận tiền chi trả từ dịch vụ môi trường rừng do Nhà nước chi trả theo quy định. Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây thiệt hại 73.900 m² rừng sản xuất với tổng giá trị lâm sản bị thiệt hại là 69.616.383^d (Sau mười chín triệu sáu trăm mười sáu nghìn ba trăm tám mươi ba đồng), gây hậu quả rất nghiêm trọng, ảnh hưởng đến môi trường sinh thái rừng tại địa phương.

Xét động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo: Không nhằm hủy hoại rừng để sử dụng vào mục đích khác hoặc để thu lợi bất chính, do nhận thức hạn chế thấy rừng trồng tỷ lệ cây sống thấp nên đã thuê người phát rừng để trồng mới nhằm phát triển, tái tạo rừng khi chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình đã thực hiện.

[9]. Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã chủ động tác động với gia đình bồi thường được một phần thiệt hại, trong lao động sản xuất tại địa phương đã được cấp huyện và xã tặng thưởng nhiều giấy khen đã có thành tích xuất sắc, thuộc tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng.

[10]. Nhân thân của bị cáo: Không có tiền án, tiền sự, quá trình lao động sản xuất đã nhiều năm được UBND huyện Phù Yên và UBND xã H, huyện Phù Yên tặng giấy khen có thành tích xuất sắc trong lao động, chấp hành tốt nội quy, quy chế, quy ước, hương ước và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân ở nơi cư trú.

Xét thấy, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và các tình tiết khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng, có nhân thân tốt, cần xem xét áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[11]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, điều kiện kinh tế bị cáo khó khăn, không có khả năng thi hành án phạt tiền. Do đó, không áp dụng đối với bị cáo.

[12]. Về biện pháp ngăn chặn: Để đảm bảo công tác thi hành án hình sự, cần tiếp tục tạm giam bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[13]. Về vật chứng vụ án: Cần tịch thu tiêu hủy 01 chiếc bật lửa ga là công cụ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo;

Đối với dụng cụ là Dao và máy cưa của các ông Giàng A E, Giàng A F, Giàng A G, Giàng A H, Giàng A I, Giàng A J, Giàng A K, Giàng A L, Vàng Thị M, Vàng Thị N dùng để phát toàn bộ diện tích rừng bị cáo được giao. Trước, trong và sau khi phát rừng những người được bị cáo thuê đều không biết rừng bị cáo thuê phát là rừng cấm. Do đó, hành vi của những người phát rừng thuê cho bị cáo là hoàn toàn ngay tình, không phải đồng phạm với bị cáo về tội Hủy hoại rừng, cần trả lại toàn bộ dụng cụ do cơ quan điều tra tạm giữ cho những người phát rừng thuê cho bị cáo.

[14]. Về trách nhiệm dân sự: Ủy ban nhân dân xã H, huyện Phù Yên là cơ quan trực tiếp quản lý, tổ chức bảo vệ, kiểm tra rừng, hướng dẫn cộng đồng dân cư thực hiện phát triển và bảo vệ rừng và chịu trách nhiệm về cháy rừng, phát rừng, mất rừng do hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng theo quy định tại khoản 3 Điều 102 của Luật lâm nghiệp năm 2017 yêu cầu bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Nhà nước theo quy định.

Cần buộc bị cáo bồi thường toàn bộ diện tích 7,39 ha rừng bị thiệt hại với tổng số tiền là 69.616.383^d (Sáu mươi chín triệu sáu trăm mười sáu nghìn ba trăm tám mươi ba đồng), bị cáo đã bồi thường 10.000.000^d (Mười triệu đồng), còn phải bồi thường tiếp là 59.616.383^d (Năm mươi chín triệu sáu trăm mười sáu nghìn ba trăm tám mươi ba đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

[15]. Về án phí: Bị cáo không thuộc đối tượng được miễn, giảm. Do đó, phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 243, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Đinh Văn B phạm tội Hủy hoại rừng

Xử phạt bị cáo Đinh Văn B 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (28/8/2022).

Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): Không áp dụng đối với bị cáo.

2. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 các Điều 584, 585, 586 của Bộ luật dân sự.

Bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho Nhà nước tổng số tiền rừng bị thiệt hại là 69.616.383^d (Sáu mươi chín triệu sáu trăm mười sáu nghìn ba trăm tám mươi ba đồng), bị cáo đã bồi thường được 10.000.000^d (Mười triệu đồng), còn

phải bồi thường tiếp là 59.616.383^d (Năm mươi chín triệu sáu trăm mười sáu nghìn ba trăm tám mươi ba đồng).

3. Vật chứng vụ án: *Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.*

Trả lại cho anh Giàng A E 01 chiếc bật lửa ga của bị cáo; Trả lại cho anh Giàng A E 01 chiếc cửa máy vỏ nhựa màu cam, nhãn hiệu HUSQVARNA special 365, máy có gắn lam cửa, xích bằng kim loại dài 70cm và 01 con dao quắm dài 35cm, điểm rộng nhất lưỡi dao là 04cm, chuôi dao bằng gỗ dài 63cm, đường kính chuôi dao 2,5 cm;

Trả lại cho anh Giàng A F 01 con dao quắm dài 35cm, điểm rộng nhất lưỡi dao là 3,5cm, chuôi dao bằng gỗ, dài 44cm, đường kính chuôi dao 03 cm;

Trả lại cho ông Giàng A G 01 con dao quắm dài 34cm, điểm rộng nhất lưỡi dao là 03cm, chuôi dao bằng kim loại liền với lưỡi dao;

Trả lại cho ông Giàng A H 01 con dao quắm dài 38cm, điểm rộng nhất của lưỡi dao là 3,5cm, chuôi dao bằng gỗ dài 29cm, đường kính chuôi dao 2,5 cm;

Trả lại cho ông Giàng A I 01 con dao quắm dài 34cm, điểm rộng nhất lưỡi dao là 3,5cm, chuôi dao bằng gỗ dài 58cm, đường kính chuôi dao 2,5 cm;

Trả lại cho ông Giàng A J 01 con dao quắm dài dài 36cm, điểm rộng nhất của lưỡi dao 04cm, chuôi dao bằng gỗ bị gãy;

Trả lại cho ông Giàng A K 01 con dao quắm dài 34cm, điểm rộng nhất lưỡi dao là 03cm, chuôi dao bằng kim loại liền với lưỡi dao;

Trả lại cho ông Giàng A L 01 con dao quắm dài 38cm, điểm rộng nhất lưỡi dao là 04cm, điểm nối giữa chuôi dao và lưỡi dao có 01 vết nứt 1,5cm, chuôi dao bằng kim loại liền với lưỡi dao;

Trả lại cho bà Vàng Thị M 01 con dao quắm dài 35cm, điểm rộng nhất lưỡi dao là 03cm, chuôi dao bằng gỗ dài 60cm, đường kính chuôi dao 2,5 cm;

Trả lại cho bà Vàng Thị N 01 con dao quắm dài 37cm, điểm rộng nhất lưỡi dao là 03cm, chuôi dao bằng gỗ dài 47cm, đường kính chuôi dao 2,5 cm.

4. Án phí: *Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.*

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo Bản án: Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có

quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày niêm yết Bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TATND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Phù Yên;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS H.Phù Yên;
- Hồ sơ THAHS TAND H.Phù Yên
- Công an huyện Phù Yên;
- Bị cáo; Nguyên đơn dân sự;
- Người có QL,NVLQ;
- Người đại diện hợp pháp của người có QL,NVLQ;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- UBND xã H, H.Phù Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lường Ngọc Thông